

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN MẦM NON Ở VÙNG TÂY NGUYÊN

ThS. NGUYỄN THỊ BẠCH MAI
Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng

Đặt vấn đề

Phát triển đội ngũ nhà giáo để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt nam là một trong những giải pháp then chốt trong Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 của nước ta. Phát triển đội ngũ giáo viên (GV) đồng thời cũng là yếu tố cần thiết để thực hiện phổ cập giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và giáo dục mầm non (GDMN) nói riêng. Hiện nay, để thực hiện mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi "Bảo đảm hầu hết trẻ em năm tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1" vai trò của đội ngũ GV càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

1. Một số nét về giáo dục mầm non ở Tây nguyên

Qua hơn 20 năm đổi mới, mặc dù điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức từ điểm xuất phát về kinh tế thấp nhưng sự nghiệp GDMN ở Tây nguyên (gồm các tỉnh: KonTum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) đã có sự tiến triển, tạo nên các nhân tố mới làm nền tảng cho những bước phát triển tiếp theo.

Phù hợp với tình hình địa phương, đến nay mạng lưới trường, lớp mầm non (MN) ở Tây nguyên được phát triển hầu hết ở các địa bàn dân cư, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho trẻ đến trường. Năm học 2012 - 2013, ở Tây Nguyên có 922 trường MN, mẫu giáo (MG) và 18 tổ MG gắn trường tiểu học với 1.316 nhóm trẻ; 10.104 lớp MG, trong đó có 4.922 lớp MG 5 tuổi (chiếm tỉ lệ 48,71% số lớp MG).

Tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được huy động đến trường MN là 10,3%, tỉ lệ trẻ MG là 79,9%; trong đó, trẻ em 5 tuổi huy động đạt tỉ lệ 99,2% so với tổng số trẻ trong độ tuổi; 94,4% tổng số trẻ 5 tuổi đến trường được học 2 buổi/ngày. Đối với trẻ thuộc các lớp MG 5 tuổi vùng dân tộc thiểu số (DTTS) đều được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, trước nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, GDMN vùng Tây Nguyên vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại, cần giải quyết như:

- Ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS số cụm lớp tập trung chưa nhiều; các lớp lẻ rải đều các thôn, xã mặc dù thuận lợi cho trẻ đi học nhưng thường là lớp ghép 2 - 3 độ tuổi, không có đủ

các điều kiện để tổ chức cho trẻ em được chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày;

- Tỉ lệ huy động trẻ dưới 5 tuổi đến trường/lớp còn thấp; chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ chưa đồng đều giữa các địa bàn vùng DTTS, vùng sâu với vùng thành thị;

- Gần 50% số trẻ dưới 5 tuổi chưa được chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày; cơ sở vật chất, trang thiết bị còn nhiều khó khăn, thiếu thốn;

- Đội ngũ GV thiếu về số lượng đồng thời không ít GV còn hạn chế về năng lực theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (GVMMN); chế độ chính sách cho GVMMN còn nhiều bất cập...

2. Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên mầm non ở vùng Tây Nguyên

Phát triển đội ngũ GVMMN đáp ứng phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi tập trung vào việc đảm bảo cho đội ngũ GV đủ về số lượng, cơ cấu hợp lí, có chất lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp GVMMN đáp ứng yêu cầu thực hiện đổi mới GDMN, thực hiện tốt phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, góp phần phát triển GDMN một cách bền vững.

Kết quả khảo sát, lấy ý kiến của 50 cán bộ quản lí sở/phòng giáo dục và đào tạo cùng 100 cán bộ quản lí các trường MN thuộc tỉnh KonTum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng trong thời gian từ tháng 9/2012 đến tháng 4/2013 về các nội dung phát triển đội ngũ GVMMN ở vùng Tây Nguyên trước nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi cho chúng ta thấy:

2.1. Công tác quy hoạch

a) Về phát triển số lượng GVMMN

Số liệu bảng 1 cho chúng ta thấy: Vùng Tây nguyên hiện có 6.956 GV dạy lớp MG 5 tuổi trong tổng số 12.479 GV dạy MG. Tuy các địa phương đã cố gắng bố trí GV để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ 2 buổi/ngày song hiện còn thiếu 1.418 GV so với định biên và nhu cầu của các lớp học bán trú; tỉ lệ bình quân GV/lớp trong toàn vùng là 1,4.

Theo số liệu bảng 2, tổng số GV nhà trẻ hiện nay ở Tây nguyên là 1.635, trung bình 2 GV được bố trí làm việc cả ngày ở 1 nhóm từ 15 - 20 trẻ. Tuy nhiên, còn nhiều nhóm trẻ có 15 trẻ nhưng chỉ bố trí 1 GV, so với định biên và nhu cầu hiện còn thiếu 246 GV nhà trẻ.

Nguyên nhân cơ bản về sự thiếu GVMMN hiện nay là do hầu hết các trường xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục (GD) theo từng năm học nhưng chưa thực hiện quy hoạch 5 năm. Cán bộ quản lí nhà trường chưa chủ động trong công tác quy hoạch

Bảng 1: Số lượng GV dạy MG vùng Tây Nguyên năm học 2012 - 2013

Stt	Tỉnh, thành phố	Giáo viên mẫu giáo									Giáo viên dạy lớp 5 tuổi	
		Tổng số	Biên chế	Tỉ lệ	Dân tộc	≥ chuẩn	> chuẩn	Giáo viên dạy vùng dân tộc	Còn thiếu	Tỉ lệ	Tổng số	Định biên
1	Gia Lai	3048	2316	76.0%	461	3048	1109	1379	362	10.6%	1956	1.3
2	Kon Tum	1549	1331	85.9%	412	1497	760	953	181	10.5%	969	1.2
3	Đắk Lắk	3777	2613	69.2%	885	3760	1453	1324	650	14.7%	1893	1.4
4	Đắk Nông	1279	1059	82.8%	175	1234	405	316	139	9.8%	646	1.4
5	Lâm Đồng	2826	1042	36.9%	301	2582	1789	593	86	3.0%	1492	1.7
	Tổng số	12479	8361	67.0%	2234	12121	5516	4565	1418	10.2%	6956	1.4

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh)

Bảng 2: Số giáo viên nhà trẻ vùng Tây Nguyên năm học 2012 - 2013

Stt	Tỉnh, thành phố	Số giáo viên								
		Tổng số	Biên chế	Tỉ lệ biên chế	Dân tộc	≥ chuẩn	> chuẩn	Còn thiếu	Tỉ lệ	
1	Gia Lai	527	296	56.2%	22	488	216	146	21.7%	
2	Kon Tum	215	147	68.4%	23	186	58	34	13.7%	
3	Đắk Lắk	325	165	50.8%	66	300	70	60	15.6%	
4	Đắk Nông	87	68	78.2%	5	61	15	6	6.5%	
5	Lâm Đồng	481	62	12.9%	15	154	77	0	0.0%	
	Tổng số	1.635	738	45.1%	131	1.189	436	246	13.1%	

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh)

đội ngũ GVMN, chưa có định hướng cụ thể cho việc phát triển đội ngũ GVMN để tổ chức hoạt động bán trú hoặc tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ 2 buổi/ngày theo điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Mặt khác, trong những năm gần đây, kinh tế Tây Nguyên biến chuyển mạnh, thực hiện chủ trương xã hội hóa, đa dạng loại hình trường, lớp MN, nhu cầu trẻ MN đến trường tăng lên trong khi số GVMN không đảm bảo theo định mức lao động, nguồn đào tạo và chỉ tiêu đào tạo hàng năm của các trường sư phạm trong vùng còn hạn chế, chưa đủ đáp ứng kịp thời cho sự phát triển GDMN.

b) Về cơ cấu đội ngũ GVMN theo giới tính, dân tộc, độ tuổi

*** Cơ cấu giới tính**

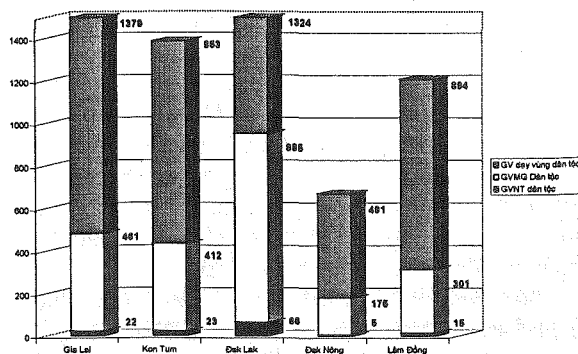
Do đặc thù về tính chất nghề nghiệp đối với GDMN, GV nữ tại các trường MN gần chiếm tỉ lệ tuyệt đối 100%, trong đó có khoảng 50% nữ trong độ tuổi sinh con. Tuy nhiên, các trường MN do chưa có thêm biên chế để thay thế GV nghỉ hệ sản, chăm sóc con ốm nên thường phải bố trí thêm giờ cho những GV trực tiếp dạy thay.

*** Cơ cấu thành phần dân tộc**

Với đặc thù của vùng Tây Nguyên, trong toàn vùng có 42,5% trẻ em DTTS trong tổng số trẻ đến

trường/lớp MN. Số GVMN tại các vùng đồng bào DTTS chiếm tỉ lệ 10,2% trong tổng số GVMN, trong đó số lượng GVMN người DTTS trên địa bàn Tây Nguyên chiếm tỉ lệ rất thấp: GV nhà trẻ 8,01% và GV dạy MG 17,9%.

Biểu đồ 1: Số giáo viên DTTS và số giáo viên dạy tại vùng DTTS trên địa bàn Tây Nguyên năm học 2012 - 2013



Qua tổng hợp khảo sát trên tổng số 100 GV dạy tại vùng DTTS, ngoài số GV người DTTS có thể sử dụng tiếng dân tộc mình vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, còn lại khoảng 35,3% GV chỉ biết tiếng dân tộc ở mức độ có thể giao tiếp một cách thông thường

và 56,6% GV không biết tiếng dân tộc. Đây là một hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đội ngũ, chất lượng GD đặc biệt là công tác phối hợp với gia đình, cộng đồng trong việc huy động trẻ đến trường và tuyên truyền về nội dung phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ. Khảo sát nguyên nhân của hạn chế này cho thấy: 65% GV chưa được bồi dưỡng tiếng dân tộc tại chỗ khi còn là SV sư phạm; khoảng 31% được bồi dưỡng tiếng DTTS thông qua các đề án phát triển nguồn nhân lực đến năm 2015 hoặc đề án dạy và học tiếng dân tộc theo đặc thù của từng địa phương. Đây là một đặc thù cần đặc biệt được quan tâm vì có ảnh hưởng rõ rệt tới công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi ở Tây nguyên.

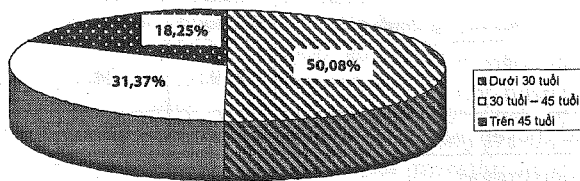
*** Cơ cấu về độ tuổi**

Số GVMN ở toàn vùng Tây Nguyên thuộc nhóm dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất (50,38%) so với tổng số GVMN hiện có. Con số đó thể hiện sự trẻ trung, tiềm năng cống hiến của đội ngũ GV. Tuy nhiên thực tế cho thấy, một số GV trong độ tuổi này thiếu yên tâm công tác, thích thay đổi môi trường làm việc tạo nên sự không ổn định trong đội ngũ, gây khó khăn trong công tác quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ GV...

31,37% GVMN ở độ tuổi 30 - 45 tuổi là những người có kinh nghiệm trong nghề ít nhất 8 năm và cao nhất là trên 20 năm. Số GVMN này hiện đang là nòng cốt trong nhà trường; hỗ trợ, giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm cho GV trẻ; góp phần không nhỏ trong việc duy trì, ổn định và phát triển GDMN trong nhiều năm qua. Đa số GV này đã và đang học hệ cao đẳng, đại học sư phạm MN để nâng cao trình độ và cập nhật các kiến thức mới, tuy nhiên đa số những GV này còn nhiều lúng túng trong việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin - công cụ thiết yếu của GV hiện nay trong đổi mới phương pháp dạy học.

GVMN thuộc nhóm tuổi trên 45 tuổi chiếm tỉ lệ 18,25% tổng số đội ngũ GV. Đây là đội ngũ từng trải qua công việc, giàu kinh nghiệm trong chăm sóc, giáo dục trẻ, thành thạo trong công việc, được sự tin tưởng của phụ huynh, bản lĩnh trong xử lí tình huống sư phạm và cuộc sống, gắn bó lâu dài với nghề nghiệp. Trước đây, để đáp ứng nhu cầu phát triển của GDMN theo đặc thù của các tỉnh miền núi, vùng đồng bào DTTS, một bộ phận GVMN ở độ tuổi này được đào tạo cấp tốc (1 tháng, 3 tháng), bồi dưỡng GV cầm bản để phục vụ tại địa phương. Tuy có nhiều đóng góp thực hiện nhiệm vụ GDMN ở vùng khó khăn nhất của Tây Nguyên, song do những GV này đều lớn tuổi, trình độ văn hóa thấp nên họ khó có thể học để đạt trình độ chuẩn, đồng thời trước yêu cầu đổi mới về phương pháp, chương trình GDMN... do hạn chế về sức khỏe, tuổi tác nên việc tổ chức thực hiện các hoạt động GD cho trẻ bị hạn chế nhất là các hoạt động như múa, hát, thể dục vận động...

Biểu đồ 2: Tỉ lệ về cơ cấu độ tuổi GVMN vùng Tây Nguyên năm học 2012 - 2013



Trong những năm qua, trước yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng GDMN gắn liền nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, công tác quy hoạch số lượng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GVMN ở các tỉnh Tây Nguyên đã từng bước được bổ sung, theo đó thực hiện "trẻ hoá đội ngũ" được tiến hành đồng thời với việc giải quyết thay thế số giáo viên không đủ năng lực giảng dạy bằng các chế độ chính sách cụ thể, phù hợp thực tiễn của GDMN vùng Tây Nguyên.

2.2. Công tác tuyển dụng và sử dụng

Việc tuyển dụng và sử dụng GVMN tỉnh Tây Nguyên được thực hiện theo các văn bản quy định. Để thực hiện tốt quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh từng bước phân cấp, giao quyền tuyển dụng GVMN, nhân viên cho các trường MN trong tỉnh. Trên cơ sở đó, các trường MN chủ động hơn trong công tác tuyển dụng. Tuy nhiên, cho đến nay việc tuyển dụng GVMN vẫn còn nhiều vướng mắc do việc phân cấp quản lí ở hầu hết các địa phương được thực hiện chưa thật triệt để.

Thực hiện đề án phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi đến năm 2015, đội ngũ GV được sắp xếp lại, ưu tiên biên chế cho GVMN tại các trường MN công lập đồng thời giải quyết chế độ lương và phụ cấp đảm bảo theo ngạch bậc cho GVMN hợp đồng, GVMN làm việc trong các cơ sở GDMN ngoài công lập, đảm bảo cho sự phát triển GDMN phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, thực tế hiện chỉ có 8.361 GV dạy MG (67%) và 738 GV nhà trẻ (13,1%) trong biên chế nên thực hiện tuyển biên chế đang là việc làm cấp bách hiện nay đối với GDMN.

2.3. Về công tác bồi dưỡng, đào tạo theo chuẩn trình độ sư phạm MN

Ở Tây Nguyên, công tác bồi dưỡng GVMN được thực hiện dưới nhiều hình thức như: Bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nghiệp vụ trong hè, bồi dưỡng chuyên đề đều xuất phát từ mục tiêu của ngành và nhu cầu của người học. Kết quả khảo sát cho chúng ta thấy: 33,4% ý kiến từ cán bộ quản lí nhận định công tác bồi dưỡng cho GV đã được thực hiện nhưng còn mang tính hình thức. Chất lượng bồi dưỡng cho GVMN cũng đang đặt ra những thách thức cho GDMN, đó là thực trạng GVMN được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng cao nhưng năng lực, kĩ năng sư phạm còn yếu kém. Điều này cần được xem xét ở nhiều góc độ khác nhau như trình độ đào

Bảng 3: Tổng hợp kết quả đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp GVMN

Tổng số		Loại xuất sắc		Loại khá		Loại trung bình		Loại kém	
Đối tượng đánh giá	Số lượng	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giáo viên tự đánh giá	2791	224	8	1833	65,7	680	24,4	54	1,9
Tổ chuyên môn	2791	179	6,4	1829	65,5	725	25,9	58	2,2
Hiệu trưởng	2791	179	6,4	1733	62,1	816	29,2	63	2,3

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh)

tạo ban đầu của GVMN, ý thức học tập của người học, công tác quản lí chất lượng đào tạo, bồi dưỡng từ phía các trường sư phạm, chính sách cho GV sau khi được bồi dưỡng...

Công tác đào tạo GVMN có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn sư phạm MN đã có nhiều chuyển biến rõ rệt. 13.310 GVMN trong tổng số 14.108 GVMN đạt trình độ chuẩn (94,34%), trong đó số đạt trình độ trên chuẩn là 5.952 (41,29%). Như vậy, so với chỉ tiêu đề án phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2011 - 2015 (đến 2015, 100% GV đạt chuẩn và 50% đạt trên chuẩn) hiện còn 5,66% GV chưa đạt trình độ chuẩn, trong đó tập trung ở số GV trên 45 tuổi và số GV người DTTS.

2.4. Việc thực hiện chế độ chính sách đối với GVMN

Việc thực hiện chế độ chính sách cho GVMN ở các tỉnh Tây Nguyên cơ bản đảm bảo theo quy định bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp khác. Thu nhập bình quân của GVMN hiện nay khoảng 3.000.000đ/tháng. Khó khăn, hạn chế là việc thiếu lương hoặc chậm chi trả cho GV trong các trường công lập do việc thu ngân sách địa phương trong năm gần đây chưa đảm bảo theo kế hoạch, dự toán; việc xét tuyển biên chế còn chậm do chưa phê duyệt chức năng, vị trí việc làm của viên chức trong từng đơn vị trường học cụ thể. Số GVMN ngoài công lập thực hiện hợp đồng ngắn hạn, theo thỏa thuận giữa người lao động với chủ cơ sở GDMN nên việc nâng lương theo niên hạn chưa được thực hiện, do đó GV ít có cơ hội học tập nâng cao trình độ tay nghề, không yên tâm công tác làm ảnh hưởng cả về số lượng và chất lượng đội ngũ GVMN.

2.5. Đánh giá công tác phát triển đội ngũ GVMN ở Tây Nguyên

Đánh giá công tác phát triển đội ngũ GV hiện nay ở Tây Nguyên cho chúng ta thấy: Tuy các cấp quản lí GD thực hiện theo kế hoạch hàng năm, đúng theo quy trình đánh giá song việc giám sát thường xuyên còn gặp khó khăn ảnh hưởng đến kết quả đánh giá.

Việc đánh giá GVMN chủ yếu thông qua các hình thức dự giờ, kiểm tra hoạt động sư phạm của GV, đồng thời tập trung đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp GVMN tại thời điểm cuối năm học. Phân tích số liệu đánh giá tháng 6/2013 qua phiếu tổng hợp đánh giá của 212 hiệu trưởng, tổ chuyên môn của 212 trường MN và 2791 GVMN cho thấy kết quả xếp loại chung đối với GV về cả 3 lĩnh vực như bảng 3.

Phân tích kết quả bảng trên cho chúng ta thấy:
- Có sự chênh lệch tỉ lệ xếp loại giữa tự đánh giá của GV với đánh giá của tổ chuyên môn và đánh giá của hiệu trưởng nhà trường;

- Tuy số GV được đánh giá xếp loại khá trở lên chiếm tỉ lệ ưu thế trong tổng số GV song còn thấp so với mục tiêu đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi (phải đạt "80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá" vào năm 2015).

Kết luận

Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp GV là nội dung mới được triển khai, trong 3 bước đánh giá GV, bước tự đánh giá là cơ bản. Do đó, việc theo dõi, chia sẻ của các GV trong tổ khối thông qua sinh hoạt chuyên môn là hết sức cần thiết; việc quản lí quá trình hoạt động của GV trong nhà trường cần được phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan để lập kế hoạch, triển khai đánh giá được bảo đảm tính khách quan, công bằng; kết quả đánh giá cần được thông báo để điều chỉnh kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; cần tạo động lực, điều kiện cho GV tự bồi dưỡng nâng cao tay nghề, đáp ứng theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác phổ cập giáo dục được xác định là nhiệm vụ thường xuyên và không đơn thuần chỉ là huy động số trẻ ra lớp, tạo điều kiện cho nhiều người được đi học mà mục tiêu phổ cập giáo dục phải gắn liền với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và vùng/miền nói riêng, trong đó phát triển đội ngũ GV là yếu tố góp phần đặc biệt quan trọng.

Phân tích thực trạng phát triển đội ngũ GVMN ở vùng Tây Nguyên trước nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi cho chúng ta thấy: Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển đội ngũ GVMN ở vùng Tây Nguyên hiện còn gặp nhiều khó khăn, có nhiều bất cập mang tính đặc thù của vùng. Do đó, các cấp quản lí GD cần tích cực triển khai, thực hiện đồng bộ các biện pháp phát triển đội ngũ GVMN phù hợp với đặc điểm vùng Tây Nguyên để công tác phát triển đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, nâng cao chất lượng GDMN tại vùng Tây Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Tài liệu Hội nghị chuyên đề phát triển giáo dục mầm non các tỉnh khu vực Tây Nguyên*, Hà Nội.

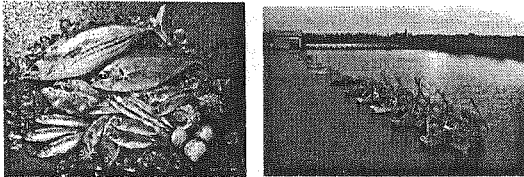
2. Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004), *Cơ sở khoa học quản lí*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Trần Kiểm (2008), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lí giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Phan Văn Kha, *Quản lí Nhà nước về giáo dục*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
5. Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Tây Nguyên, *Báo cáo Tổng kết năm học 2012 - 2013*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 711/QĐ - TTg, ngày 13/06/2012, *Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*, Hà Nội.

SUMMARY

Developing teachers to meet the requirements of reforming Vietnam education basically and totally is one of key solutions in the Vietnam education development up to 2020 strategy, and is necessary to carry out universal education, develop quality of education generally and pre-school education in particular. Enhancing pre-school teachers in order to satisfy pre-school generalization for 5 years - old children that focuses on ensuring sufficient quantity, suitable structure, high quality, reaching training standard and profession one ensuring requirement of innovating this level education, performance universal education for 5-years old children, contributing to develop pre-school education sustainably.

THIẾT KẾ BÀI HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG... (Tiếp theo trang 39)

Hoạt động 3: Ngành nuôi trồng thủy sản
GV có thể sử dụng 1 đoạn video hoặc hình ảnh ngành thủy sản để dẫn dắt HS vào nội dung mới.



GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, hướng dẫn HS khai thác SGK, kết hợp với hiểu biết thực tế để trình bày vai trò, đặc điểm của ngành nuôi trồng thủy sản.

Hành động 1: HS trình bày vai trò

- GV yêu cầu HS dựa vào SGK trình bày vai trò của ngành thủy sản.
- HS đưa ra một vài ví dụ thực tế để chứng minh (với yêu cầu này, GV có thể giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà).

Hành động 2: HS trình bày đặc điểm của ngành nuôi trồng thủy sản

- GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung SGK để trả lời các câu hỏi dưới đây, sau đó rút ra đặc điểm của ngành nuôi trồng thủy sản.

Câu hỏi 1: Các loài thủy sản nào được nuôi trồng phổ biến và ở đâu?

Câu hỏi 2: Những quốc gia nào phát triển mạnh ngành nuôi trồng thủy sản?

Câu hỏi 3: Nước ta có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản?

- Bằng sự hiểu biết của mình, HS liên hệ với thực tiễn địa phương (nếu có ngành nuôi trồng thủy sản).

4. Củng cố và kiểm tra

GV yêu cầu và hướng dẫn HS làm bài tập số 2 trong SGK.

3. Kết luận

Trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là CNTT và truyền thông đang phát triển hết sức nhanh chóng, xâm nhập mạnh mẽ vào mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế, văn hóa - xã hội, đòi hỏi giáo dục nói chung phải đổi mới sâu sắc thì việc nghiên cứu đổi mới thiết kế bài học theo quan điểm CNDH là một hướng đi phù hợp và có tầm quan trọng đặc biệt vì việc đổi mới thiết kế bài học là khâu đầu tiên của quá trình đổi mới phương pháp dạy học và thành công của nó có ảnh hưởng quyết định đến sự thành công của toàn bộ quá trình đổi mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng, *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*, NXB Đại học Sư phạm, (tái bản lần thứ nhất có sửa chữa), 2008.
2. PGS.TS. Lê Khánh Bằng, *Công nghệ dạy học với vấn đề tổ chức quá trình dạy học ở phổ thông trung học*, 1995.
3. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, *Kiểm yếu hội thảo, Định hướng và các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học phổ thông*, T4/2004.

SUMMARY

The paper deals with the designing lessons at general schools towards the technology teaching. According to the author, technology teaching doesn't simply means applying modern techniques in teaching, in fact it is the modernization of teachers' teaching activities process in view of processing these activities of teachers and students, and control the output and input of teaching process as well. Associated with this process is the application of information and communication technology into teaching in order to effectively exploit, dispose and demonstrate various sources of knowledge in teaching process.